TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/11/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thanh Tâm

2. Ông Đặng Duy Niên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Mai S, sinh năm 1982.**

Địa chỉ: Khu 10, xã T, huyện Th, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. Bị đơn: **Anh Phan Xuân V, sinh năm 1974.**

Địa chỉ: Thôn Ô, xã T1, huyện V1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

3. Người làm chứng: **Anh Phan Xuân Đ, sinh năm 1971.**

Địa chỉ: Thôn Ô, xã T1, huyện V1, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Mai S trình bày***:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Xuân V tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện V1, tỉnh

Thái Bình vào ngày 01/12/2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn Ô, xã T1, huyện V1, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị muốn sinh con nhưng anh V không đồng ý vì anh V có 03 con riêng với người vợ trước. Chị đã nhờ gia đình anh V can thiệp nhưng anh V vẫn không thay đổi quan điểm. Chị không chấp nhận cách sống và quan điểm sống của anh V nên cuối năm 2016 chị về nhà bố mẹ đẻ chị ở Phú Thọ sống. Anh chị ly thân từ đó đến nay, không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Xuân V.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Phan Xuân V không có con chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh Phan Xuân V không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản.

* Anh Phan Xuân V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để nộp bản tự khai, trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu của chị S, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa, nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy anh V không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

**** Chính quyền địa phương xã T1, huyện V1, tỉnh Thái Bình cung cấp***: Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện V1, tỉnh Thái Bình vào năm 2014. sau Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn Ô, xã T1, huyện V1, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Chị S không sống cùng gia đình anh V từ năm 2016. Nay chị S xin ly hôn anh V, quan diểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Về con chung: Chị S và anh V không có con chung.

**** Anh Phan Xuân Đ - anh trai của anh Phan Xuân V trình bày***: Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh V kết hôn với nhau vào năm 2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không có bất đồng gì lớn nhưng không hiểu lý do gì chị S lại về nhà bố mẹ đẻ chị sống. Anh chị ly thân từ năm 2016 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị S xin ly hôn anh V quan điểm của anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh V và chị S được ly hôn. Về con chung: Chị S và anh V không có con chung. Về quan hệ tài sản: Chị S và anh V không có tài sản chung, không có nợ chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh V hiện nay làm ăn tự do, vẫn thường xuyên về gia đình. Anh V đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập của Tòa án nhưng vì lý do công việc anh V không về Tòa án được. Khi có giấy tờ của Tòa án gửi về cho anh V gia đình anh nhận được cam đoan giao lại cho anh V.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Thẩm phán thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng về thụ lý, thẩm quyền, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng, hòa giải, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị S được ly hôn anh V. Về quan hệ con chung: Chị S và anh V không có con chung. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết khi có yêu cầu. Án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và Tòa án có thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lê Thị Mai S khởi kiện và có yêu cầu xin ly hôn, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Phan Xuân V cư trú tại huyện V1, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phan Xuân V nhưng anh V vẫn không có mặt tại Tòa án để tham gia tố tụng. Anh V vắng mặt không có lý do lần thứ 2 tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo trình tự có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Mai S và anh Phan Xuân V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống đến năm 2016 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Chị S đã về nhà bố mẹ đẻ chị sống từ cuối năm 2016. Anh chị ly thân từ đó đến nay, không liên lạc, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã triệu tập anh V nhiều lần nhưng anh V không đến Tòa án, chứng tỏ anh V không muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy hôn nhân của

anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nếu có tiếp tục chung sống cũng không thể có hạnh phúc, vì vậy cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Sinh được ly hôn anh Việt là phù hợp.

Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Mai S và anh Phan Xuân V không có con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị Mai S không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Anh Phan Xuân V không có lời trình bày về vấn đề tài sản, vì vậy chưa đủ căn cứ để xác định tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản của chị S, anh V. Do đó cần tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị Mai S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Mai S được ly hôn anh Phan Xuân V.

2. Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Mai S và anh Phan Xuân V không có con chung.

3. Về quan hệ tài sản: Tách ra giải quyết sau khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Mai S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003081 ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã T1, huyện V1, tỉnh Thái Bình.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiệp